

Xã hội học gia đình: cách tiếp cận toàn cầu và quan niệm thiết chế

GORAN THERBORN

Bài viết này là lược dịch phân viết về xã hội học gia đình của bài: Bước sang Thế kỷ thứ hai của Xã hội học: "Thời gian của sự phản ánh, không gian của bản sắc, và những điểm mấu chốt của tri thức" của Goran Therborn, Giáo sư Xã hội học, Giám đốc trường Cao học Thụy Điển, Đại học Gothenburg. Bài viết đã được in tại Thụy Điển, Đan Mạch và tại Anh. Bài dịch dưới đây dựa vào bản in ở Tạp chí Xã hội học Anh, số 51, tháng 1 năm 2000. Tên bài của người dịch.

Cách tiếp cận toàn cầu đối với gia đình

Khi viết về lịch sử xã hội học của gia đình trên thế giới trong quá trình tiến triển của thế kỷ XX, xuất phát điểm [của tác giả] không phải là một loại gia đình nguyên thủy nào mà cũng chẳng phải là một mô hình ở đích của sự phát triển. Cũng không có sự phân biệt giữa một góc nhìn được ưu đãi, như kiểu nước tôi hay "phương Tây" và phần còn lại của thế giới. Thay vào đó, xuất phát điểm là tính biến thiên toàn cầu vào năm 1900, sự đa diện của các quan hệ gia đình vào thời điểm đó. Thuật ngữ "toàn cầu" (global) ở đây không đồng nghĩa với "phổ biến" (universal) theo nghĩa mà Edward Westermarck (1891/1922) viết trong Lịch sử Hôn nhân loài người hay theo cách mà William Goode (1963) cho rằng Cách mạng Thế giới và các Khuôn mẫu Gia đình là phổ biến. Cách tiếp cận toàn cầu cũng phải tính đến thế giới sau các nghiên cứu về nhân chủng học. Một trong số ít các công trình đồ sộ trong thế kỷ XX về gia đình, công trình Cấu trúc Xã hội của George Murdock (1949), đã đề cập đến gia đình và dòng họ trong 250 xã hội, đại đa số trong số đó là những cộng đồng dân tộc rất nhỏ, mà không quan tâm nhiều lắm đến kích thước và tỷ lệ của các cộng đồng này.

Phân tích biến đổi gia đình trong thế kỷ qua sẽ đưa chúng ta đến một lãnh địa văn hóa rộng lớn hơn của khái niệm *hiện đại* (modernity) với tư cách một kỷ nguyên và *chủ nghĩa hiện đại* (modernism) với tư cách các phong trào và lực lượng tôn sùng và thúc đẩy cho các giá trị của hiện đại, cho "hiện đại hóa" điều này hay khác. Cái hiện đại và những cái phái sinh của nó tốt hơn là nên được tiếp cận và nghiên cứu không phải như sự ám chỉ một loại thiết chế nhất định nào đó, kiểu như gia đình dựa trên quan hệ hôn nhân. Thay vào đó, nó nên được nhìn nhận như một định hướng văn hóa, một nhận thức đặc biệt về thời gian, mà không có một định nghĩa mang tính thiết chế định trước nào. Nghĩa là một định hướng đến tương lai, như một điều gì đó khác và có tiềm năng tốt hơn quá khứ. Lý do cho sự nhấn mạnh chiều thời gian này khá thực dụng. Các quan niệm về thiết chế của khái niệm hiện đại thường rơi vào sự thiên lệch về địa lý-văn hóa này hay khác, thường là tinh thần lấy châu Âu làm trung tâm, lấy Mỹ làm trung tâm, hay Phương Tây làm trung tâm mà khi định nghĩa các đặc điểm thiết chế "hiện đại" người ta thường gán cho chính xã hội riêng của họ (xem Therborn 1995a, 1995b, 1999). Một cách tiếp cận toàn cầu đối với khái niệm hiện đại kéo theo cách nhìn với nhiều con đường đi đến và đi qua hiện đại, và sự đa nguyên của các loại hiện đại theo chiều

ngang, của các văn hóa hiện đại khác nhau tồn tại cạnh nhau, và không chỉ trên trục thời gian của cái gọi là "tiên tiến" và "những người đến sau".

Như vậy ta dễ dàng thấy được rằng, làm thế nào mà các quan hệ gia đình lại nằm ở tâm điểm của các xung đột và chống lại hiện đại. Quá khứ và hiện tại được ghi khắc trong cốt lõi của gia đình hai thế hệ, các bài học và kinh nghiệm quá khứ của cha mẹ và những thách thức hiện tại của con cái và giới trẻ. Điều gì sẽ dẫn dắt đường đi của thế hệ trẻ vào tương lai? Sự thông thái của cha mẹ và tổ tiên, hay những nỗ lực của tuổi trẻ tìm tòi một cuộc sống, một xã hội, hay một thế giới mới và khác với quá khứ? Nếu điều này là đúng, chúng ta nên chờ đợi rằng gia đình và sự thay đổi có thể có của nó sẽ là phần trung tâm của các phong trào và xung đột xã hội rộng lớn của hiện đại và truyền thống mà nhịp đập của chúng có thể được cảm nhận trong suốt thế kỷ XX.

Tôi muốn nhấn mạnh tầm quan trọng của hai khía cạnh khác ngoài tính biến thiên đã phân biệt tính toàn cầu với tính phổ biến-đó là tính gắn kết (connectivity) và tính giao tiếp tương tác (inter-communication).

Tối năm 1900 làn sóng toàn cầu hóa chủ yếu về mặt lịch sử lần thứ tư, chủ nghĩa đế quốc công nghiệp, đã gắn kết các hệ thống gia đình trên thế giới. Nhưng ngoại trừ châu Mỹ và châu Đại dương, tác động này còn hạn chế. Tuy nhiên, trong quá trình của thế kỷ XX sự gắn kết giữa các hệ thống gia đình của thế giới đã trở nên lực lượng quyết định của sự thay đổi. Những chuyển biến xã hội thuộc địa và việc đề ra luật lệ-sự cai trị thuộc địa đã tác động mạnh đến Khu vực Thuộc địa, và cũng tạo nên cơ sở cho sự hình thành luật về gia đình của nền độc lập sau thuộc địa. Chiến thắng của Mỹ đối với Nhật đã có tác động mạnh đến gia đình của Nhật, Triều Tiên, và Đài Loan. Chiến thắng của Liên Xô ở châu Âu đã dẫn đến những thay đổi căn bản của gia đình Đông Âu. Đặc biệt là vào một phần ba cuối cùng của thế kỷ này các cơ quan quốc tế đã rất tích cực và có tầm quan trọng to lớn đối với việc kiểm soát sinh đẻ và kế hoạch hóa gia đình, mức tử vong ở trẻ sơ sinh và trẻ em, và các quyền của phụ nữ.

Không chỉ những mối liên hệ lẫn nhau rõ ràng mà cả những giao tiếp tương tác mềm dẻo hơn đã đóng góp quan trọng vào sự thay đổi gia đình trên thế giới. Các trung tâm văn hóa khác nhau trên thế giới đã tạo ra những khát vọng và trí tưởng tượng, bao gồm cả các vai trò giới và gia đình, cho vùng địa lý của mình, ví như Tokyo và miền Trung Nhật cho Đông Á, Istanbul cho vùng "Trung Đông", từ Iran đến Egypt, Natal cho vùng thuộc địa Anh phía Đông và Trung châu Phi, Buenos Aires cho miền Nam Mỹ của người Hispanic (gốc Tây Ban Nha-ND).

Điều nặng ký nhất của mọi mối quan hệ giao tiếp tương tác này có lẽ là cái mà ở châu Âu và Bắc Mỹ người ta gọi là "Phong trào 1968", hiểu theo nghĩa rộng là phong trào sinh viên cấp tiến của nửa sau những năm 1960-phần nhiều có cảm hứng từ cuộc kháng chiến của người Việt Nam chống Mỹ-mà chẳng bao lâu sau đã lôi cuốn một phong trào phụ nữ. Thời gian này cũng trùng với phát minh ra thuốc tránh thai và các phương tiện tránh thai đáng tin cậy khác, và tiếp đó là sự phổ biến rộng rãi khắp thế giới đài bán dẫn, máy ghi âm cassette, và vô tuyến truyền hình. Tình dục, các vai trò giới và các quan hệ gia đình giữa các thế hệ và giữa vợ và chồng là những vấn đề nổi lên cho sự xem xét lại một cách căn bản các truyền thống và xung đột giữa các nhận thức có tính quyết chọn khác nhau (alternative conceptions) trên khắp thế giới. Kết quả của tất cả những điều này là không giống nhau trên khắp hành tinh này. Thay vào đó, điều đáng nói ở đây là bất kỳ một phân tích nào về các khuôn mẫu gia đình hiện tại cũng cần tính đến phong trào có tính thế giới của các câu hỏi, các hình dung, những đòi hỏi, và sự thừa nhận các cách quyết chọn sẵn có (available alternatives).

Gia đình với tư cách một thiết chế

Phân tích của tôi về gia đình sẽ tập trung vào nó như một thiết chế (an institution). Một thiết chế đến lượt mình có thể được xem như một loại hệ thống xã hội đặc biệt. Mặc dù, và có lẽ vì, có mối quan tâm khoa học xã hội liên ngành gần đây đối với các thiết chế-trong kinh tế học, lịch sử kinh tế, khoa học chính trị, cũng như xã hội học-khái niệm này cần có một định nghĩa rõ ràng. Tôi thấy định nghĩa dưới đây rất hữu ích.

Một thiết chế là *một loạt các chuẩn mực*-và đôi khi, như trong trường hợp tôn giáo chẳng hạn, là cả các niềm tin-xác định một lĩnh vực cụ thể của các hành vi đúng đắn và không đúng đắn. Thứ hai, một thiết chế định rõ hành vi đúng và không đúng bằng việc *phân định ranh giới* giữa các thành viên và những người không phải thành viên (một thí dụ cụ thể) của thiết chế, và bằng việc bố trí các thành viên theo các vai trò xã hội cụ thể. Thứ ba, thiết chế với tư cách một quy tắc sử dụng các *lễ nghi*, những hành động có tính biểu trưng đặc biệt tái khẳng định các chuẩn mực và niềm tin, việc gia nhập thiết chế, và việc chuyển đổi từ một vai trò sang vai trò khác bên trong thiết chế.

Các thiết chế có thể lồng trong nhau, và mức độ hợp lý của phân tích thiết chế phụ thuộc vào mối quan tâm về phân tích cụ thể. Một hệ thống chính trị lập hiến, hay gia đình, có thể được xem như một thiết chế, và người ta cũng có thể nói như vậy đối với nghị viện hay hôn nhân. "Thiết chế" cần được xem xét vừa như một thực thể trừu tượng, một nền dân chủ, một tôn giáo, gia đình, với những biến thể ở mức hẹp hơn (sub-variants) như nền dân chủ nghị viện và nền dân chủ tổng thống, Thiên chúa giáo và đạo Hồi, và như một loạt các biểu hiện cụ thể với địa điểm xác định trong thời gian và không gian¹. Các nghiên cứu về thiết chế có thể quy về cả ba cấp độ này.

Các tác động của thiết chế có ba mặt. Trước hết, chúng tạo ra các khuôn mẫu đều đặn của hành vi, các khuôn mẫu có thể nhận thức rõ ở khắp mọi điều quy chuẩn (enactments) riêng biệt tạo nên chúng. Thứ hai, các thiết chế tạo ra các bản sắc (identities), các bản sắc tập thể của các thành viên của thiết chế và các bản sắc cá nhân của người giữ các vai trò thiết chế. Thứ ba, các thiết chế tạo ra sự gián đoạn trong mạng liên tục của cuộc sống hàng ngày, sự gián đoạn trong không gian bằng việc phân biệt các thành viên với những người không phải thành viên, sự đứt đoạn trong thời gian bằng việc phân biệt các thời khắc của sự chính thức và trang trọng có tính nghi lễ với những thời khắc thông thường.

Các thiết chế khác nhau với tư cách là các thiết chế², nghĩa là khác nhau trong sức mạnh của các điều quy định và các điều cấm kỵ chuẩn tắc của mình, trong việc phân định ranh giới giữa các thành viên và người không phải thành viên, và giữa các vai trò thành viên khác nhau, và thứ ba, trong sự cân nhắc và tính trang trọng của các nghi lễ của mình. Thiết chế hóa và sự phản thiết chế hóa (institutionalization and de-institutionalization) tốt hơn nên được xem xét như các quá trình trong một phổ liên tục, với các thiết chế và hành động thiết chế ở một cực và hành động không được thiết chế hóa-dù là về đạo đức, có tính toán, hay về tình cảm-ở một cực khác.

Thiết chế gia đình có thể, và đã có nhiều hình thức đa dạng. Nó cũng có thể khác nhau rất nhiều về kích thước. Nhưng có hai lĩnh vực của hành vi và các quan hệ xã hội là cốt lõi của sự điều chỉnh thiết chế của gia đình. Tình dục và các quan hệ giới/giới tính là một. Gia

¹ Ở đây tác giả ám chỉ không gian xã hội học bao gồm "ít nhất ba chiều cạnh, thể hiện không gian của các thiết chế và chuyên ngành, không gian của thực tiễn hay hoạt động hàng ngày, và không gian của sự tưởng tượng và nghiên cứu". Tác giả nêu quan niệm này ở phần đầu bài viết của mình mà vì khuôn khổ bài đăng không cho phép nên chúng tôi không trích dịch ở đây.

²Trong nguyên văn "institutions vary qua institutions..."

đình điều chỉnh ai có thể và ai không thể làm tình với ai, trong điều kiện nào, xác định các quan hệ nam nữ hợp lệ và không hợp lệ, ngoại tình, không chung thủy, hủ hóa hay lạm dụng tình dục. Thứ hai, gia đình đưa ra các quy tắc về các quan hệ giữa các thế hệ, quyền và nghĩa vụ tương hỗ của cha mẹ (và có thể cả những thành viên khác của thế hệ thứ nhất) và con cái, các quyền và nghĩa vụ hỗ trợ và xã hội hóa, quyền thừa kế. Phân tích của tôi sẽ tập trung vào gia đình theo nghĩa cốt lõi này như một phức hợp có tính chuẩn mực về tình dục, sinh đẻ, và các quan hệ cha mẹ-con cái.

Về mặt lịch sử, gia đình có chức năng kinh tế và chính trị rất quan trọng. Tính thành viên của gia đình và các vai trò gia đình đã xác định khả năng tiếp cận các phương tiện sống và phương tiện sản xuất, đất đai và gia súc, nghề nghiệp và thương mại, tín dụng và tư bản. Điều này vẫn còn ở một mức độ đáng kể mặc dù các cơ chế phân phối khác, nhất là các nguồn lực thị trường đối với các cá nhân hành động đã trở nên quan trọng hơn. Khả năng tiếp cận các cương vị lãnh đạo, ra lệnh, và uy tín cũng có thể được xác định bởi tính thành viên của gia đình và các vai trò gia đình. Các nền quân chủ vương triều và chế độ lãnh chúa là những thí dụ rõ ràng nhất. Nhưng gia đình cũng có thể hoạt động như một thiết chế chính trị quan trọng trong điều kiện có bầu cử, từ việc tạo ra các truyền thống gia đình trung thành về chính trị đến việc cung cấp sự lãnh đạo chính trị kiểu vương triều có bầu cử. Nam Á sau Chiến tranh Thế giới II, chẳng hạn, đã trở thành khu vực đáng lưu ý về nền chính trị gia đình cao, triều đại Nehru (cho đến nay) ba thế hệ, sự lãnh đạo của bà góa và con gái ở Bangladesh, Pakistan, và Sri Lanka. Nước Mỹ có gia đình Kennedy và gia đình Bush. Các chức năng tôn giáo cũng có thể được bổ nhiệm bởi tính thành viên của gia đình, như các gia đình Brahmin trong Ấn Độ giáo.

Sự gia nhập của các thành viên mới vào gia đình và sự ra đi hợp lệ khỏi gia đình thường là dịp của các lễ hội có tính nghi thức, đám cưới và các lễ nghi sinh đẻ và/hoặc lễ đặt tên thánh trong Thiên Chúa giáo. Đám cưới cũng có thể là các lễ nghi ra đi theo quan điểm của thế hệ cha mẹ hay của gia đình "cho con" trong các hệ thống thân tộc đơn phương (unilinear kinship systems). Việc mai táng thành viên chết gần như luôn luôn là những lễ nghi gia đình quan trọng. Tính thành viên của gia đình thường thể hiện ở hệ thống đặt tên, dù đó là họ hay cách đặt tên theo phả hệ nào đó. Tình trạng gia đình của việc đã kết hôn hay chưa kết hôn, đặc biệt là đối với phụ nữ, thường được báo hiệu bởi cách ăn mặc, kiểu tóc, hay cái nhẫn.

Chúng ta quan tâm đến sự thay đổi thiết chế. Rõ ràng gia đình đã thay đổi trong tiến trình của thế kỷ XX. Thay đổi như thế nào? Bao nhiêu? Ở đâu? Khi nào? Tại sao? là những câu hỏi chúng ta sẽ cố trả lời. Chúng ta tìm kiếm câu trả lời cho câu hỏi tại sao ở đâu? Tại sao các thiết chế lại thay đổi? Một điểm xuất phát hữu ích có vẻ là việc coi các thiết chế như những cân bằng xã hội, không nhất thiết là tối ưu. Khi đó sự cân bằng là giữa sự phân bố các nguồn quyền lực giữa các nhân vật của hệ thống xã hội ở một bên, và sự phân phối lợi ích thông qua những quy định có tính chuẩn mực của thiết chế ở bên kia. Những nhân vật thích hợp chủ yếu trong trường hợp gia đình là đàn ông và phụ nữ, người già và người trẻ, cha mẹ và con cái.

Cách tiếp cận cân bằng đối với các thiết chế, đến lượt mình, chỉ ra ba con đường của sự thay đổi thiết chế, sự thay đổi trong phân bố quyền lực, sự thay đổi trong định nghĩa chuẩn mực về lợi ích, và sự thay đổi trong việc phân phối lợi ích. Những thay đổi này lại có thể hoặc là do những phát triển bên trong của hệ thống xã hội đó, hoặc là do những tiếp xúc của hệ thống đó với các hệ thống xã hội khác. Và "hệ thống xã hội" có thể là một đơn vị dòng họ, như một bộ lạc, một đơn vị lãnh thổ, như một làng hay một vùng, hoặc một đơn vị chính trị, một quốc gia hay một loại hình chính trị nào đó khác. Những thay đổi của định nghĩa chuẩn mực về lợi ích có nghĩa là những chỉ báo của các giá trị mới-có thể còn vắng bóng trong thiết chế hiện tồn, như sự

lựa chọn cá nhân hay sự hài lòng về tình dục của phụ nữ. Sự phân bố của những lợi ích do thiết chế mang lại, mặt khác, có thể giảm đi hay tăng lên về giá trị do những hoàn cảnh đã thay đổi. Việc kiểm soát sự thừa kế đất đai, chẳng hạn, sẽ trở nên kém quan trọng trong các nền kinh tế công nghiệp và hậu công nghiệp, hay giá trị của số con có thể giảm đi với việc giảm lao động trẻ em và sự tăng chi phí học hành của chúng (xem Caldwell 1982).

Với tư cách thiết chế, gia đình có thể được xem như biểu hiện của hai hệ thống chuẩn mực. Trước hết, đó là biểu hiện của các hệ thống chuẩn mực chính của thế giới, của các triết lý tôn giáo-và-thế giới của thế giới. Thứ hai, như nhiều thập niên trước về "quá độ dân số" đã đem lại sự bất chấp của chính nó và như các nhà nhân chủng học luôn luôn nhấn mạnh, thiết chế gia đình tại thời gian và địa điểm bất kỳ cũng còn là biểu hiện của các tập quán địa phương (được xác định về mặt lãnh thổ) hay dân tộc (được phân định về mặt phả hệ). Năng lực của hai phức hợp của các chuẩn mực này nhằm điều khiển sự hình thành gia đình và hành vi là khá biến thiên. Ở đây có ba yếu tố tỏ ra đặc biệt quan trọng. Một là hệ thống kinh tế mà vào năm 1900 ở phần lớn nơi trên thế giới có ý nghĩa trên hết là các chế độ đất đai/lao động, một dân số nhất định quan hệ như thế nào với đất đai, với lao động trên đó, và với hoa lợi của đất đai và lao động. Yếu tố khác là khuôn mẫu quyền lực chính trị-hành chính, đặc biệt là mức độ mà theo đó các chuẩn mực nói trên được hỗ trợ bởi việc làm luật, sự giám sát, và/hoặc bộ máy tư pháp. Thứ ba, chúng ta nên chú ý đến hệ thống tri thức với cả ý nghĩa giao tiếp (communication) và ý thức về các thực tiễn và các chuẩn mực có tính quyết chọn, và cả các hệ thống giáo dục chính thống. Từ sự tương tác của các lực lượng chuẩn mực và không chuẩn mực này chúng ta có thể chờ đợi một loại cân bằng thực tiễn (practical equilibrium) mà trong đó một hệ thống gia đình nhất định có xu hướng tái tạo lại theo thời gian.

Chúng ta nên nghĩ rằng các quá trình của sự thay đổi chủ yếu đến từ những thách thức đối với các phức hợp chuẩn mực hiện tồn và đối với cân bằng thiết chế thực tế. Những thách thức này chủ yếu sẽ tới hoặc từ những hệ thống chuẩn mực có tính cạnh tranh hoặc từ những thay đổi của các hệ thống kinh tế, chính trị, và/hoặc hệ thống nhận thức. Những thách thức này có hiệu quả như thế nào trong việc đem lại sự thay đổi sẽ phụ thuộc chẳng những vào sức mạnh và tính cấp tiến của riêng nó mà còn vào sức đề kháng của hệ thống chuẩn mực đã được thiết lập, đặc biệt là của hệ thống các chuẩn mực vượt ra ngoài khuôn khổ địa phương, có tính xuyên dân tộc, chủ yếu. Nói cách khác, chúng ta chờ đợi rằng cùng những thách thức như nhau sẽ có những tác động khác nhau chẳng những theo thời gian mà còn về hình thức đối với các hệ thống gia đình lịch sử khác nhau.

Trong tiến trình thế kỷ XX những hệ thống chuẩn mực cổ xưa đã phải đương đầu với các hệ thống chuẩn mực của các thuyết hiện đại, như chủ nghĩa duy lý thế tục, chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa phát triển, và thuyết nữ quyền, và bởi sự xói mòn chuẩn mực tiếp theo sau sự phê phán và những thăng trầm của thuyết hiện đại. Ở một số nước chúng đã trải qua các cuộc cách mạng chính trị của các thiết chế xã hội hiện tồn. Một số trong những điều này là sự áp đặt của nền cai trị thuộc địa, từ bên ngoài, thường bắt đầu trước năm 1900 nhưng thường không động chạm đến gia đình cho đến sau bước chuyển sang thế kỷ này. Với tư cách là sự cai trị, chủ nghĩa thuộc địa sau đó đã bị thay thế bởi nền độc lập dân tộc, cũng là sự đứt đoạn về thiết chế chủ yếu. Thế kỷ vừa qua cũng chứng kiến một số cuộc cách mạng bên trong mà có tiếng vang và sâu sắc nhất là ở Nga và Trung Quốc.

Một cách gián tiếp hơn, nhưng không hề kém quan trọng, thiết chế gia đình và thực tiễn gia đình đã bị tác động bởi các quá trình chung của sự biến đổi xã hội có quy mô lớn. Những thay đổi kinh tế chủ yếu có xu hướng làm xói mòn những cân bằng thiết chế trước đó, cả về sự phân bố quyền lực lẫn sự phân phối lợi ích, là sự phi nông dân hóa (de-

peasantisation) to lớn của thế giới, tiếp theo và đi kèm bởi trước hết là công nghiệp hóa, và sau đó là phi công nghiệp hóa (de-industrialisation), sự hàng hóa hóa (commodification) các quan hệ xã hội, và sự phát triển của tiêu dùng đại chúng theo ý riêng. Về mặt chính trị, chúng ta đã thấy sự khởi động và củng cố nhà nước, can thiệp ở một mức độ chưa từng thấy với tư cách nhà làm luật, cảnh sát, thẩm phán, và ông chủ trả lương. Chúng ta cũng chứng kiến sự xuất hiện của những nỗ lực nhằm đặt ra chuẩn mực và chấp chính ở mức trên nhà nước, thông qua Hiệp hội các Dân tộc (League of Nations) và bộ máy của Liên hiệp quốc, có tác động rõ ràng đến gia đình và các quan hệ giới. Thứ ba, các hệ thống nhận thức đã thay đổi một cách mạnh mẽ, mở rộng rất nhiều diện giao tiếp, vượt ra ngoài khuôn khổ các quan hệ giữa các cá nhân của người thầy và người trò và vượt ra ngoài khuôn khổ của cả giới những người kể chuyện và sự giao tiếp tưởng tượng của nhà văn với độc giả cô đơn. Tạp chí, báo, máy quay đĩa, và học đường chính thống gần như không tồn tại đối với phần lớn nhân loại vào năm 1900. Radio, vô tuyến, video, và internet thì không ai có.

*

* *

Một trong những điều hấp dẫn của xã hội học đối với nhiều người trong chúng ta là diện rộng các cửa sổ nhìn ra thế giới xã hội của xã hội học, là khoảng không rộng lớn của nó cho các phân tích xã hội rất đa dạng. Nhưng sự hấp dẫn này cũng đòi hỏi tinh thần trách nhiệm. Nhà xã hội học cần chú ý đến những lãnh vực gần và xa chuyên ngành của mình. Một đào tạo xã hội học tốt chẳng những cần làm cho chúng ta ý thức được không gian chuyên ngành rộng lớn này, mà còn làm cho chúng ta có khả năng hiểu được và sử dụng được các nghiên cứu và cách nhìn của một số chuyên ngành khác. Để nắm bắt được sự thay đổi gia đình toàn cầu, chẳng hạn, nhà xã hội học cần học thêm ít nhiều dân số học, luật gia đình, tôn giáo và lịch sử văn hóa, lịch sử kinh tế-xã hội, và chính trị học. Và nhà xã hội học đó cần giao tiếp và học hỏi các đồng nghiệp trên khắp thế giới.

Tài liệu tham khảo

1. **Caldwell, J.** 1982. *Theory of Fertility Decline*. London, New York, Academic Press
2. **Goode, W.** 1963. *World Revolution and Family Patterns*, London: Free Press
3. **Murdock, G.** 1949. *Social Structure*. New York: Macmillan
4. **Therborn, G.** 1995 a. "Routes to/through Modernity", in M. Featherstone et al. (eds.), *Global Modernities*, London: Sage
5. 1995 b. *European Modernity and Beyond. The Trajectory of European Societies 1945-2000*. London, Sage
6. 1999. "In the Labyrinths of Modernities and Globalizations: Scandinavia and Latin America", in G. Therborn (ed.), *Globalizations and Modernities. Experiences and Perspectives of Europe and Latin America*, Stockholm: FRN
7. **Westermarck, E.** 1891/1921 *The History of Human Marriage*, London Macmillan, 3 vols.

Người dịch: VŨ MẠNH LỢI